

KHUNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 NĂM HỌC 2024 – 2025

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra giữa học kì 1 (hết tuần học thứ 8).
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, gồm 12 câu hỏi ở mức độ nhận biết, 4 câu mức độ thông hiểu.
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1. Mở đầu về KHTN	1 (1,5)	3		1					1	4	2,5
2. Các phép đo		3	1 (0,5)	1	1 (1)				2	4	2,5
3. Tế bào – đơn vị cơ sở		2	1	2	1				2	4	3

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
của sự sống			(1)		(1)						
4. Từ tế bào đến cơ thể		2		2			1 (1)		1	4	2
Số câu	1	10	2	6	2	0	1	0	6	16	22
Điểm số	1,5	2,5	1,5	1,5	2	0	1	0	6	4	10
Tổng số	4,0		3,0		2,0		1,0		22		10,0

b. Bản đặc tả đề kiểm tra cuối học kì 1 (KHTN 6)

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu						
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên - Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Nhận biết	– Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		– Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.	1	2	C17	C1,C2
		– Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).		1		C3
	Thông hiểu	– Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.		1		C4
		– Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		– Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. – Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
	Vận dụng	– Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
2. Các phép đo						
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết	- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C13
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C15
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. - Tính được thể tích, khối lượng				
		– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)		1		C14
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để đo nhiệt độ.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng trước khi đo.		1		C16
		- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.	1		C21	
	Vận dụng	- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó. - Xác định được GHD và ĐCNN của dụng cụ đo chiều dài, khối lượng hoặc thời gian	1		C22	
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) (<i>không yêu cầu tìm sai số</i>).				
	Vận dụng cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.				
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống						
– Khái niệm tế bào	Nhận biết	- Nêu được khái niệm tế bào.				
		- Nêu được chức năng của tế bào.		1		C6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi		
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)	
<p>– Hình dạng và kích thước tế bào</p> <p>– Cấu tạo và chức năng tế bào</p> <p>– Sự lớn lên và sinh sản của tế bào</p> <p>– Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống</p>		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.					
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.		1		C5	
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.					
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.					
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.					
	Thông hiểu	- Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.		1			C8
		- Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào.	1			C18	
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được sự lớn lên và sinh sản của tế bào (từ 1 tế bào → 2 tế bào → 4 tế bào... → n tế bào).		1			C7
	Vận dụng	- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.	1			19	

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
7. Từ tế bào đến cơ thể						
<ul style="list-style-type: none"> - Từ tế bào đến mô - Từ mô đến cơ quan - Từ cơ quan đến hệ cơ quan - Từ hệ cơ quan đến cơ thể 	Biết	Nêu được cơ thể đa bào và cơ thể đơn bào		2		C9,C10
	Thông hiểu	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.				
	Vận dụng bậc thấp	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.		2		C11,C12
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể.				
	Vận dụng bậc cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.	1		C20	

UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT HỌ VÀ TÊN:..... Lớp: 6/.....	KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I Năm học 2024-2025 MÔN: KHTN 6 Thời gian: 60 phút. Đề B	<u>ĐIỂM:</u>
--	--	-----------------------------

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm): Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

- Câu 1.** Từ một tế bào ban đầu, sau khi phân chia sẽ tạo ra
 A. 2 tế bào con. B. 3 tế bào con. C. 4 tế bào con. D. 6 tế bào con.
- Câu 2.** Tế bào thực vật gồm những thành phần chính như sau
 A. nhân, không bào, lục lạp.
 B. màng sinh chất, vách tế bào, chất tế bào, nhân, không bào, lục lạp.
 C. vách tế bào, chất tế bào, nhân, không bào.
 D. màng sinh chất, chất tế bào, nhân, lục lạp.
- Câu 3.** Cơ thể đơn bào là cơ thể được cấu tạo từ bao nhiêu tế bào?
 A. 1 tế bào. B. 2 tế bào. C. 3 tế bào. D. Nhiều tế bào.
- Câu 4** Cơ thể đa bào là cơ thể được cấu tạo từ bao nhiêu tế bào?
 A. 1 tế bào. B. 2 tế bào. C. 3 tế bào. D. Nhiều tế bào.
- Câu 5.** Cơ quan nào dưới đây **không** thuộc cấu tạo của hệ tuần hoàn?
 A. tim. B. mạch máu. C. máu/ D. phổi.
- Câu 6.** Hệ cơ quan nào dưới đây thực hiện chức năng thải nước tiểu?
 A. hô hấp. B. tuần hoàn. C. bài tiết. D. sinh dục.
- Câu 7.** Việc làm nào sau đây được cho là **không** an toàn trong phòng thực hành?
 A. Đeo găng tay khi lấy hóa chất. B. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.
 C. Quan sát lỗi thoát hiểm của phòng thực hành. D. Tự ý làm thí nghiệm.
- .Câu 8.** Khi gặp sự cố mất an toàn trong phòng thực hành, em cần làm gì?
 A. Báo cáo ngay với giáo viên trong phòng thực hành.
 B. Tự xử lý và không thông báo với giáo viên .
 C. Nhờ bạn xử lý sự cố.
 D. Tiếp tục làm thí nghiệm .
- Câu 9.** Khả năng phóng to ảnh của vật bằng kính hiển vi là
 A. 3 – 20 lần. B. 10 – 20 lần. C. 20 – 100 lần. D. 40 – 3000 lần.
- Câu 10.** Lĩnh vực nào sau đây **không** thuộc về khoa học tự nhiên?
 A. Sinh Hóa. B. Thiên văn. C. Lịch sử. D. Địa chất.
- Câu 11** .Đơn vị chức năng cơ bản của cơ thể là
 A. tế bào. B. bào quan. C. cơ quan. D. hệ cơ quan.
- Câu 12.** Ở tế bào thực vật, bộ phận nào có chức năng điều khiển mọi hoạt động sống của tế bào ?
 A. chất tế bào. B. vách tế bào. C. nhân. D. màng sinh chất.
- Câu 13.** Đơn vị dùng để đo chiều dài của một vật là
 A. m. B. m². C. kg. D. L.
- Câu 14.** Để đo chính xác độ dài của một vật, ta nên dùng
 A. sợi dây. B. gang bàn tay. C. bàn chân. D. thước đo.

KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

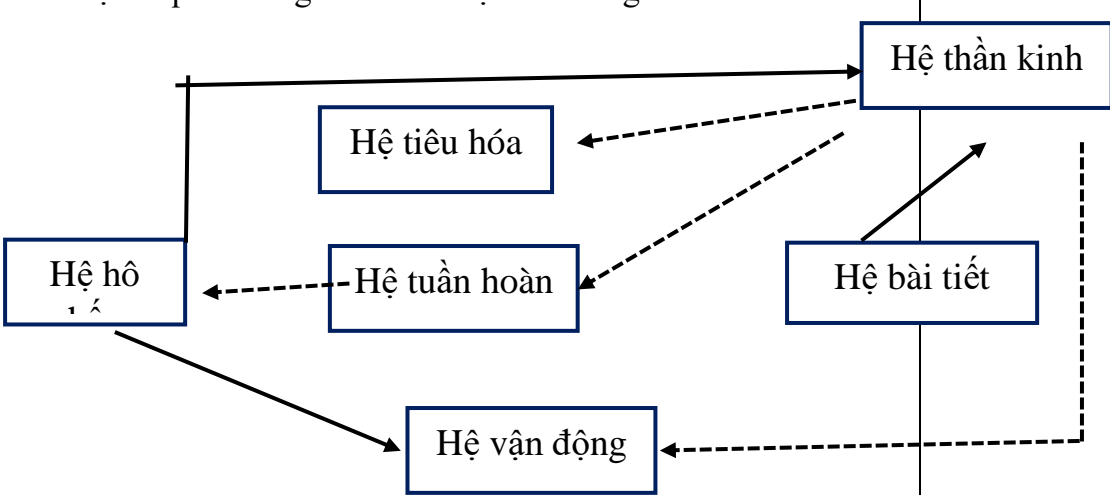
MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm): Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đề A	D	D	D	C	A	C	A	B	A	D	D	C	B	C	D	A
Đề B	A	B	A	D	D	C	D	A	D	C	A	C	A	D	C	D

B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm
17(1,5đ)	-Những điều cần phải làm trong phòng thực hành: Mặc trang phục gọn gàng, đeo khẩu trang, găng tay, kính mắt bảo vệ (nếu cần); chỉ tiến hành thí nghiệm khi có người hướng dẫn, nhận biết được các vật liệu nguy hiểm trước khi làm thí nghiệm.	1.5
18(1đ)	-Nêu được ý nghĩa của sự lớn lên và sinh sản của tế bào. Sự sinh sản tế bào làm tăng số lượng tế bào, thay thế các tế bào già, các tế bào bị tổn thương, các tế bào chết, giúp cơ thể lớn lên và phát triển.	1
19(1đ)	-Điểm khác nhau lớn nhất giữa tế bào động vật và tế bào thực vật là: tế bào thực vật có diệp lục để giúp cây hấp thụ năng lượng ánh sáng mặt trời để tổng hợp chất dinh dưỡng cho cây.	1
20(1đ)	-Các hệ cơ quan trong cơ thể là một thể thống nhất 	

21	- Cần phải ước lượng khối lượng của vật trước khi cân để chọn cân thích hợp và để có kết quả cân chính xác.	0,5 đ
21	- Để vật có khối lượng rất lớn lên đĩa cân đồng hồ sẽ làm kim cân vượt quá giới hạn đo của cân, có thể làm sai lệch kết quả đo và dễ làm hỏng cân.	0,5 đ
22	GHĐ: 10 cm; ĐCNN: 0,5 cm	0,5 đ